Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 16.09.2014 09:10:53 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2014/TT-BXD	*Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2014*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: ...C.....
Ngày: 11.9.....

THÔNG TƯ

Quy định công khai thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư Quy định công khai thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc cung cấp, tiếp nhận, xem xét, công bố và quản lý thông tin về năng lực hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực:

a) Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;

b) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

c) Thiết kế quy hoạch xây dựng;

d) Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình;

đ) Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

e) Giám sát chất lượng công trình xây dựng;

g) Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng;

h) Khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước có nhu cầu công khai thông tin về năng lực hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực nêu tại Khoản 1 Điều này trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng trong việc xem xét và quyết định công bố thông tin trên trang thông tin điện tử do mình quản lý;

c) Chủ đầu tư, nhà đầu tư tham khảo thông tin về năng lực hoạt động xây dựng trong việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xây dựng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan đầu mối là cơ quan được Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân công tiếp nhận, xem xét, công bố và quản lý thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là Cơ quan đầu mối), gồm:

a) Cơ quan đầu mối ở Trung ương: Cục Quản lý hoạt động xây dựng là Cơ quan đầu mối của Bộ Xây dựng. Cơ quan đầu mối của các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng là đơn vị trực thuộc được giao chức năng quản lý năng lực hoạt động xây dựng;

b) Sở Xây dựng là Cơ quan đầu mối ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Thông tin về năng lực hoạt động xây dựng:

a) Thông tin về năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức là những thông tin về địa chỉ doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật; quyết định thành lập; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; vốn điều lệ; số lượng cán bộ, nhân viên chủ trì các bộ môn của tổ chức; hệ thống quản lý chất lượng; một số công trình tiêu biểu theo loại, quy mô công trình đã và đang thực hiện, hình thức tham gia, công việc thực hiện, hình thức khen thưởng;

b) Thông tin về năng lực hoạt động xây dựng đối với cá nhân là thông tin chung của cá nhân như họ và tên, năm sinh, địa chỉ thường trú; thông tin về trình độ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, số năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động xây dựng, công trình tiêu biểu đã và đang thực hiện.

Điều 3. Nguyên tắc công khai thông tin về năng lực của tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình

1. Mọi thông tin về năng lực hoạt động xây dựng do tổ chức, cá nhân cung cấp phải chính xác và trung thực. Khi có thay đổi thông tin, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin điều chỉnh đến cơ quan đầu mối theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Cơ quan đầu mối phải xem xét, kiểm tra khi cần thiết đối với các thông

tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân để công bố công khai trên trang thông tin điện tử do cơ quan quản lý.

3. Mọi thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân được công bố trên trang thông tin điện tử của các cơ quan đầu mối phải được chuyển về Bộ Xây dựng (Cục Quản lý hoạt động xây dựng) để xem xét tích hợp dữ liệu, công bố trên trang thông tin điện tử do Bộ Xây dựng quản lý làm cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xây dựng trong phạm vi cả nước quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Chương II
CUNG CẤP, ĐĂNG TẢI VÀ QUẢN LÝ THÔNG TIN NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 4. Cung cấp thông tin năng lực hoạt động xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng có nhu cầu công bố thông tin về năng lực hoạt động xây dựng gửi bản đăng ký, tệp tin đăng ký công bố thông tin và hồ sơ năng lực đăng ký công bố theo mẫu đến cơ quan đầu mối quy định tại Điều 5 Thông tư này để được xem xét, công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối. Các tệp tin gửi đến cơ quan đầu mối phải được định dạng (.pdf; .doc; .docx; .zip; .rar).

2. Bản đăng ký công bố thông tin khai theo mẫu tại các Phụ lục kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Phụ lục số 01 đối với tổ chức công bố thông tin;

b) Phụ lục số 02 đối với cá nhân công bố thông tin.

3. Hồ sơ năng lực đăng ký công bố, gồm:

a) Bản sao y bản chính định dạng (.pdf) các loại giấy tờ của tổ chức: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật; đăng ký hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu mang quốc tịch cấp trong trường hợp là nhà thầu nước ngoài;

b) Bản sao y bản chính định dạng (.pdf) các loại giấy tờ của cá nhân: Văn bằng, chứng chỉ đào tạo, giấy phép hành nghề, Hợp đồng lao động của các cá nhân chủ trì các bộ môn trong tổ chức.

4. Đối với tổ chức hoạt động xây dựng nước ngoài thì bản đăng ký, hồ sơ năng lực đăng ký công bố và các giấy tờ khác có liên quan phải được dịch ra tiếng Việt và có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự.

Điều 5. Cơ quan đầu mối

1. Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng tiếp nhận đăng ký công bố thông tin của các tổ chức hoạt động xây dựng trực thuộc Bộ; các tổ chức do Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước quản lý; các tổ chức hoạt động xây dựng trực thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tham gia xây dựng các công trình không thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng; các tổ chức hoạt động

theo Giấy chứng nhận đầu tư; các tổ chức hoạt động xây dựng do các viện nghiên cứu, trường đại học và hội nghề nghiệp quản lý, thành lập; các tổ chức hoạt động xây dựng thành lập tại Việt Nam có 100% vốn nước ngoài; các tổ chức hoạt động xây dựng ở nước ngoài tham gia công bố năng lực tại Việt Nam; các tổ chức hoạt động xây dựng thuộc các cơ quan đầu mối quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này nhưng các cơ quan đầu mối chưa đủ điều kiện hạ tầng để công bố thông tin; các đối tượng còn lại chưa quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

2. Cơ quan đầu mối thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận đăng ký thông tin của các tổ chức hoạt động xây dựng trực thuộc các Bộ quản lý.

3. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tiếp nhận đăng ký thông tin của các tổ chức hoạt động xây dựng đã có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư ở địa phương và các cá nhân được Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề trừ các tổ chức thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 6. Công bố thông tin

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, bộ phận tiếp nhận của cơ quan đầu mối sẽ tiến hành kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan đầu mối chỉ được thông báo một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu công bố.

2. Cơ quan đầu mối kiểm tra, xem xét hồ sơ công bố về:

a) Tính hợp lệ và tính chính xác của hồ sơ;

b) Năng lực thực tế của tổ chức, cá nhân trong trường hợp cần thiết.

Trong quá trình kiểm tra, nếu thông tin về năng lực của tổ chức, cá nhân có sự sai khác, Cơ quan đầu mối phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình và cung cấp hiệu chỉnh thông tin.

3. Trong thời gian 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ thông tin hợp lệ về năng lực hoạt động xây dựng do tổ chức, cá nhân cung cấp, Cơ quan đầu mối có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử do mình quản lý và có văn bản xác nhận đã công bố gửi cho tổ chức, cá nhân.

4. Sau khi công bố thông tin trên trang thông tin điện tử, trong thời hạn 07 ngày làm việc, các Cơ quan đầu mối có trách nhiệm gửi báo cáo và tệp tin về cơ quan đầu mối của Bộ Xây dựng để tổ chức quản lý, tích hợp công khai thông tin về năng lực của tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng lên trang thông tin www.moc.gov.vn của Bộ Xây dựng.

Điều 7. Lưu trữ hồ sơ công bố

1. Cơ quan đầu mối có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ công bố theo quy định của pháp luật để phục vụ công tác kiểm tra và bổ sung thông tin để công bố.

2. Hồ sơ lưu trữ bao gồm hồ sơ nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều 4 của Thông tư này và các hồ sơ điều chỉnh, bổ sung thông tin.

Điều 8. Thay đổi, bổ sung thông tin

1. Định kỳ 12 tháng hoặc trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi tổ chức, cá nhân có thay đổi, điều chỉnh hồ sơ công bố thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin điều chỉnh bằng văn bản kèm theo tệp tin được định dạng (.pdf; .doc; .docx; .zip; .rar) đến Cơ quan đầu mối.

2. Trong thời gian tối đa 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ thông tin điều chỉnh hồ sơ, Cơ quan đầu mối có trách nhiệm kiểm tra thông tin và đăng những thông tin điều chỉnh của tổ chức, cá nhân trên trang thông tin điện tử do mình quản lý. Sau đó, gửi ngay báo cáo và tệp tin điều chỉnh về Bộ Xây dựng để điều chỉnh.

Điều 9. Quản lý việc đăng tải thông tin

1. Bộ Xây dựng công bố trên trang thông tin điện tử về thông tin năng lực của tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên toàn quốc. Các thông tin tại trang www.moc.gov.vn về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân làm cơ sở để lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thuộc các lĩnh vực nêu tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư này.

2. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở: Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình kiểm tra, xem xét quản lý thông tin của tổ chức, cá nhân đã công bố.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin năng lực hoạt động xây dựng

1. Thực hiện nguyên tắc cung cấp thông tin nêu tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức và cá nhân phải chịu trách nhiệm trước cơ quan đầu mối và pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin cung cấp.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Kiểm tra hoặc phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ở địa phương để kiểm tra hoạt động, xem xét và công bố thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 5 của Thông tư này;

b) Tiếp nhận, kiểm tra thông tin, dữ liệu do cơ quan đầu mối của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng các địa phương cung cấp để công bố trên trang thông tin điện tử do Bộ quản lý về thông tin năng lực của tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình trên toàn quốc;

c) Thường xuyên theo dõi, quản lý, kiểm tra việc truy cập, khai thác, vận

hành, xử lý thông tin công bố về năng lực và tình hình hoạt động của các tổ chức, cá nhân trong cả nước;

d) Quyết định việc gỡ bỏ thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân vi phạm đã công bố trên trang thông tin điện tử do Bộ quản lý và kiến nghị cơ quan đầu mối của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng các địa phương gỡ bỏ tên tổ chức, cá nhân vi phạm trên trang thông tin điện tử do các cơ quan đầu mối này quản lý. Việc gỡ bỏ thông tin quy định tại Điều 13 của Thông tư này.

2. Các Cơ quan đầu mối của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng các địa phương có trách nhiệm:

a) Tổ chức tiếp nhận, hướng dẫn, công bố, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này đối với các tổ chức, cá nhân thuộc trách nhiệm quản lý;

b) Thường xuyên theo dõi, quản lý, kiểm tra việc truy cập, khai thác, vận hành, xử lý thông tin công bố về năng lực và tình hình hoạt động của các tổ chức, cá nhân nêu tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 của Thông tư này;

c) Quyết định việc gỡ bỏ thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân vi phạm trên trang thông tin điện tử do cơ quan quản lý. Đồng thời gửi kết quả thông tin gỡ bỏ về Bộ Xây dựng để phối hợp quản lý.

3. Các Hội nghề nghiệp, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kịp thời phản ánh về các cơ quan đầu mối nếu phát hiện các thông tin đã công bố của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có thay đổi, điều chỉnh hoặc không chính xác.

Điều 12. Hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân đã công bố thông tin

1. Cung cấp thông tin không đúng hoặc có thay đổi thông tin nhưng không kê khai, báo cáo theo quy định. Vi phạm Khoản 1 Điều 8 của Thông tư này.

2. Vi phạm pháp luật trong hoạt động xây dựng đã được tuyên trong bản án có hiệu lực.

3. Tham gia hoạt động xây dựng vượt quá điều kiện năng lực.

Điều 13. Gỡ bỏ thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân đã được công bố

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này sẽ bị thông báo bằng văn bản và trên trang thông tin đã được công bố của cơ quan đầu mối.

2. Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện vi phạm nếu tổ chức, cá nhân không giải trình, khắc phục thiệt hại do vi phạm gây ra sẽ bị gỡ bỏ thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan đầu mối.

Điều 14. Xử lý chuyển tiếp

Các tổ chức đang thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại Quyết định số 02/2008/QĐ-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy định quản lý thông tin về năng lực của các tổ chức hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng có trách nhiệm điều chỉnh,

cung cấp bổ sung thông tin, dữ liệu theo quy định của Thông tư này và gửi về cơ quan đầu mối để tiếp tục công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày *10 / 10*/2014. Thay thế Quyết định số 02/2008/QĐ-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy định quản lý thông tin về năng lực của các tổ chức hoạt động xây dựng qua Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng. Các nội dung về công bố thông tin đã được quy định tại một số Thông tư do Bộ Xây dựng ban hành trái với các quy định của Thông tư này đều bị bãi bỏ.

2. Sau 30 ngày, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, mọi thông tin của các tổ chức đã đăng tải theo quy định tại Quyết định số 02/2008/QĐ-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng không còn hiệu lực.

3. Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định của Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát ND tối cao;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL(Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ XD;
- Các Sở: XD, GTVT, NN&PTNT, CT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Hiệp hội, Hội chuyên ngành XD;
- Các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng;
- Các Tập đoàn nhà nước, Tổng công ty nhà nước;
- Lưu: VT, Vụ PC, KHCN & MT, Cục GĐNN về CLCTXD, TTTT, HĐXD.

BỘ TRƯỞNG

Trịnh Đình Dũng

PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 11/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng Mẫu cung cấp thông tin của Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: Cơ quan đầu mối

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: Số fax:

Email: Website:

3. Địa chỉ Văn phòng đại diện, Văn phòng chi nhánh (nếu có):

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

5. Quyết định thành lập:

Cơ quan ký quyết định: ,Số: , ngày:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Số: , ngày cấp , Cơ quan cấp:

7. Vốn điều lệ:

8. Số lượng cán bộ, nhân viên có chuyên môn cao của Tổ chức (chỉ tính người đang tham gia nộp BHXH): .....người.

Trong đó:

+ Trên đại học: .....người.

+ Đại học: .....người.

Bảng thống kê cán bộ, nhân viên có chuyên môn cao của Tổ chức

STT	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng	Ghi chú
1	Chủ nhiệm lập dự án		

2	Giám đốc tư vấn quản lý dự án		
3	Chủ nhiệm đồ án quy hoạch đô thị		
4	Chủ trì bộ môn chuyên ngành quy hoạch đô thị		
5	Chủ nhiệm khảo sát xây dựng		
6	Chủ nhiệm thiết kế XDCT		
7	Chủ trì thiết kế XDCT		
8	Chỉ huy trưởng công trường		
9	Kỹ sư xây dựng		
10	Kiến trúc sư		
11	Kỹ sư kinh tế xây dựng		
...	*Kỹ sư chuyên ngành xây dựng khác*		
...	*Cử nhân chuyên ngành kinh tế*		

(Ghi chú: Căn cứ theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, chủ nhiệm lập dự án, giám đốc tư vấn quản lý dự án, chủ nhiệm đồ án quy hoạch đô thị, chủ trì bộ môn chuyên ngành quy hoạch đô thị, chủ nhiệm khảo sát xây dựng, chủ nhiệm thiết kế XDCT, Chỉ huy trưởng công trường, Chủ trì thiết kế XDCT ghi rõ Hạng 1, Hạng 2 hoặc công trình cấp I, cấp II, cấp III...đã tham gia thực hiện)

Bảng thông tin các cá nhân chủ chốt biên chế làm việc không thời hạn trong tổ chức

STT	Họ và tên	Trình độ, chuyên môn, số và loại Chứng chỉ	Số năm kinh nghiệm	Ghi chú
1				
2				
...				

9. Có hệ thống quản lý chất lượng: ☐ Có ☐ Không

- Số chứng chỉ ISO:
- Cơ quan chứng nhận:

10. Phòng thí nghiệm có thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: (nếu có)

- Tên, địa chỉ phòng thí nghiệm và mã số phòng thí nghiệm:

11. Thống kê các dự án, công trình tiêu biểu đã và đang thực hiện trong vòng 03 năm gần nhất: *(mỗi lĩnh vực hoạt động không quá 02 công trình).*

STT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Hình thức tham gia (thầu chính/phụ)	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Tên chủ đầu tư	Giá trị thực hiện	Ghi chú
1						
2						
...						

12. Nêu những lĩnh vực thuộc thế mạnh của tổ chức:

.....

13. Các công trình được khen thưởng:

STT	Tên công trình, loại và cấp công trình, địa điểm xây dựng, công việc thực hiện	Hình thức khen thưởng	Cơ quan khen thưởng	Ghi chú
1				
2				
...				

14. Các công trình vi phạm:

STT	Tên công trình, loại và cấp công trình, địa điểm xây dựng, công việc thực hiện	Mức độ vi phạm	Ghi chú
1			
2			
...			

15. Tổ chức tự đánh giá điều kiện năng lực và xếp hạng theo quy định.

(Căn cứ theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình)

.....

II. THÔNG TIN NĂNG LỰC CÁC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG: LẬP DỰ ÁN, QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, THIẾT KẾ QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ, THẨM TRA THIẾT KẾ, GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, KIỂM ĐỊNH, GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

1. Lĩnh vực lập dự án đầu tư xây dựng công trình:

Loại công trình	Số lượng dự án đã thực hiện theo loại dự án đầu tư XDCT			Ghi chú
	Quan trọng quốc gia, A	B	C	
Dân dụng				
Công nghiệp				
Giao thông				
Hạ tầng kỹ thuật				
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				

2. Lĩnh vực quản lý dự án đầu tư XDCT:

Loại công trình	Số lượng dự án đã thực hiện theo loại dự án đầu tư XDCT			Ghi chú
	Quan trọng quốc gia, A	B	C	
Dân dụng				
Công nghiệp				
Giao thông				
Hạ tầng kỹ thuật				
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				

3. Lĩnh vực thiết kế quy hoạch xây dựng:

Loại đô thị	Số lượng đồ án quy hoạch đã thực hiện	Ghi chú
Đô thị loại đặc biệt		
Đô thị loại I		

Đô thị loại II		
Đô thị loại III		
Đô thị loại IV		
Đô thị loại V		

4. Lĩnh vực khảo sát xây dựng công trình:

Loại công trình	**Số lượng công trình đã thực hiện theo cấp công trình**					**Ghi chú**
	Đặc biệt	**I**	**II**	**III**	**IV**	
Dân dụng						
Công nghiệp						
Giao thông						
Hạ tầng kỹ thuật						
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						

5. Lĩnh vực hoạt động thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng:

Loại công trình	**Số lượng công trình đã thực hiện theo cấp công trình**					**Ghi chú**
	Đặc biệt	**I**	**II**	**III**	**IV**	
Dân dụng						
Công nghiệp						
Giao thông						
Hạ tầng kỹ thuật						
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						

6. Lĩnh vực giám sát chất lượng công trình xây dựng:

Loại công trình	Số lượng công trình đã thực hiện theo cấp công trình					Ghi chú
	Đặc biệt	I	II	III	IV	
Dân dụng						
Công nghiệp						
Giao thông						
Hạ tầng kỹ thuật						
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						

7. Lĩnh vực kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng:

Loại công trình	Số lượng công trình đã thực hiện theo cấp công trình					Ghi chú
	Đặc biệt	I	II	III	IV	
Dân dụng						
Công nghiệp						
Giao thông						
Hạ tầng kỹ thuật						
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						

III. THÔNG TIN NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THI CÔNG XÂY DỰNG

1. Thống kê các công trình đã thực hiện:

Loại công trình	Số lượng công trình đã thực hiện theo cấp công trình					Ghi chú
	Đặc biệt	I	II	III	IV	
Dân dụng						
Công nghiệp						
Giao thông						
Hạ tầng kỹ thuật						
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						

2. Thống kê máy móc thiết bị thi công chủ yếu thuộc quyền sở hữu:

Loại máy thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Chất lượng

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin kê khai ở trên là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TÊN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 11/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng Mẫu cung cấp thông tin của Cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÁ NHÂN THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Kính gửi: *Cơ quan đầu mối*

1. Họ và tên:
2. Năm sinh:
3. Địa chỉ thường trú:

- Số điện thoại:
- Email:

4. Số chứng minh thư nhân dân: ,ngày cấp: ,nơi cấp:
5. Trình độ chuyên môn:

(Bằng cấp, chứng chỉ đào tạo...)

6. Số chứng chỉ hành nghề: ,nơi cấp ,thời hạn:
7. Số năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực:
8. Thống kê tối đa 2 công việc (công trình) tiêu biểu tương ứng với mỗi lĩnh vực hoạt động đã và đang thực hiện trong vòng 05 năm gần nhất:

.....

Tôi xin cam đoan những thông tin kê khai ở trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu đăng ký đăng tải thông tin này chỉ áp dụng cho cá nhân tham gia hành nghề hoạt động xây dựng độc lập.

- Cá nhân đang tham gia trong tổ chức hoạt động xây dựng không được phép đăng ký đăng tải thông tin theo mẫu này, trường hợp phát hiện vi phạm sẽ bị đưa vào danh sách vi phạm và bị gỡ bỏ thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cơ quan đầu mối quản lý.